TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Nhật L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1985; Nơi cư trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1988; Nơi cư trú: Ấp LP, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2025 và và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Cao Nhật L trình bày: Vào năm 2007, anh có quen biết với chị Nguyễn Thị G, qua thời gian tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân, được hai bên

gia đình tổ chức lễ cưới cho anh và chị G trong năm 2008, hai vợ chồng anh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới xong hai vợ chồng anh cùng nhau về sống chung nhà với gia đình của chị G. Đến năm 2015, thì cả hai vợ chồng cùng nhau đi làm tại thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, tiền bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc. Anh và chị G đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G. Về nuôi con chung: Anh đồng ý giao con chung Cao Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị G nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị với anh Cao Nhật L cưới nhau vào ngày 19 tháng 02 năm 2008 (âm lịch), trước khi tiến hôn nhân thì chị và anh L có tìm hiểu, được khoảng 03 năm thì cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì cả hai sống chung với gia đình chị. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến tháng 6 năm 2024, do chị làm ăn thất bại, nợ nần nên chị mới bỏ đi làm ở Cần Thơ nên cả hai không còn sống chung từ đó cho đến nay. Giữa vợ chồng không có cải vả gì nhau, ngoài ra không có mâu thuẫn gì với nhau. Từ khi cả hai không còn sống chung thì không có liên lạc gì với nhau vì anh L ngắt kết nối với chị. Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn, do chị không có lỗi gì hết. Về nuôi con chung: Có 01 con là Cao Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2009, nay ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Cao Nhật L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Có 03 chiếc xe, 01 Wave Alpha biển số 66G1-160.36 (chị đang quản lý) do anh Cao Nhật L đứng tên quyền sở hữu, 01 chiếc xe Victoria 50cc biển số 66GA-08884 do anh Cao Nhật L đứng tên quyền sở hữu (do Cao Tuấn K đang quản lý); 01 chiếc Future F1 biển số 66G1 607.85 do anh Cao Nhật L đứng tên quyền sở hữu (do Cao Nhật L đang quản lý), chị yêu cầu được sở hữu chiếc xe Wave Alpha. Ngoài ra, chị yêu cầu anh L giao lại cho chị số tiền 50.000.000 đồng là tiền nợ của anh H nợ chị và anh L, phần còn nợ của anh H thì anh L cứ lấy của anh H. Về nợ chung: Hiện nay, đang nợ nhiều người, nhưng không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Cao Nhật L được ly hôn với chị Nguyễn Thị G. Về nuôi con chung: Giao con chung Cao Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh Cao Nhật L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G chưa có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao Nhật L không yêu cầu giải quyết, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; còn chị Nguyễn Thị G không có đơn yêu cầu giải quyết và không cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của những cá nhân, tổ chức mà anh chị đã vay mượn, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết, nếu chị G có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Cao Nhật L và chị Nguyễn Thị G là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị G, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua phần trình bày của anh L và chị G đều thể hiện anh chị đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, không tìm được tiếng nói chung, cả hai đã không còn sống chung khoảng 02 năm nay và không có liên lạc gì với nhau. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh L và chị G hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành*

thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị G.

[4] Về việc nuôi con: Anh Cao Nhật L đồng ý giao con chung Cao Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị G nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, chị G cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh L và chị G đã thỏa thuận được việc nuôi con chung và việc thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao Nhật L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị Nguyễn Thị G trình bày có 03 chiếc xe: 01 Wave Alpha biển số 66G1-160.36 (chị đang quản lý) do anh Cao Nhật L đứng tên quyền sở hữu; 01 chiếc xe Victoria 50cc biển số 66GA-08884 do anh Cao Nhật L đứng tên quyền sở hữu (do Cao Tuấn K đang quản lý); 01 chiếc Future F1 biển số 66G1 607.85 do anh Cao Nhật L đứng tên quyền sở hữu (do Cao Nhật L đang quản lý), chị yêu cầu được sở hữu chiếc xe Wave Alpha; đồng thời, chị yêu cầu anh L giao lại cho chị số tiền 50.000.000 đồng là tiền nợ của anh H nợ chị và anh L, phần còn nợ của anh H thì anh L cứ lấy của anh H; mặt khác, hiện nay đang nợ nhiều người, nhưng không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu, Tòa án đã thông báo cho chị G biết nếu có yêu cầu giải quyết những tài sản chung, nợ chung thì chị phải làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của mình, cũng như cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của những cá nhân, tổ chức mà chị và anh L đã vay hoặc cho vay, nhưng chị không bổ sung tài liệu, chứng cứ theo nội dung chị trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu chị có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Nhật L, cho ly hôn giữa anh Cao Nhật L và chị Nguyễn Thị G.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị G được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Cao Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2009.

2.2. Anh Cao Nhật L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Anh Cao Nhật L chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014634 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, anh L không phải nộp thêm.

3.2. Chị Nguyễn Thị G không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.LKA, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng